TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23.01.2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Duy Tân

2. Ông Lê Hoàng Vũ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2001.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trịnh Minh T1, sinh năm 2000.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 24/02/2023 (âm lịch) chị T và anh T1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh T1 thường xuyên đánh đập tôi làm tôi sợ hãi, tôi không thể chung sống với anh T1 được nữa, cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Minh T1.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay anh Trịnh Minh T1 không đến tòa án.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt anh Trịnh Minh T1 trình bày: Vào ngày 24/02/2023 anh và chị Mỹ T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Trịnh Minh T1. Đây là tranh chấp việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Trịnh Minh T1 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào ngày 24/02/2023 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý chị T và anh T1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Trịnh Minh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung:* Chị T và anh T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002989 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị T không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T với anh Trịnh Minh T1 là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chị T và anh T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng chị T và anh T1 không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002989 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị T không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7;

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi